

Bản số: 34/2018/DS - ST

Ngày: 18/10/2018

**V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH - TỈNH TH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH: Ông Nguyễn Đức Chiến – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Ngọc A, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ 10, P. Quang Vinh, TP. TH, tỉnh TH.

Bị đơn: Chị Trương Thùy L, sinh năm 1989(Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ 18, P. Gia Sàng, TP. TH, tỉnh TH.

Người làm chứng: Chị Hà Thị Minh T, sinh năm 1991(Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, P. Quang Vinh, TP. TH, tỉnh TH.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Ngọc A trình bày: Anh và chị Trương Thùy L có mối quan hệ quen biết nhau qua chị Hà Thị Minh T là hàng xóm của anh. Khoảng tháng 8 năm 2015 chị T có đề cập vấn đề về việc chị Trương Thùy L đang cần vay một khoản tiền để làm ăn kinh doanh, nên hỏi anh có tiền cho chị L vay không. Do tin tưởng nên anh đồng ý cho chị Trương Thùy L vay số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) và có viết giấy hẹn thời hạn

trả hết 31/12/2015. Tuy nhiên đến hạn trả nợ chị L lại tiếp tục đặt vấn đề do cần tiền đầu tư kinh doanh nên hỏi vay thêm tiền anh, anh đồng ý cho vay thêm tiền, đến ngày 02/02/2016 anh và chị L chốt số nợ là 323.000.000đ (Ba trăm hai mươi ba triệu đồng) hạn lịch trả 31/12/2016. Ngày 16/6/2016 chị L tiếp tục lại vay anh thêm số tiền 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng) và lần này chị L chốt với anh số nợ 415.000.000đ (Bốn trăm mười năm triệu đồng) thỏa Tân lãi suất 1,5%/tháng, hạn trả 31/12/2016. Đến hạn trả nợ anh đã liên hệ và gặp chị L rất nhiều lần yêu cầu chị L thanh toán khoản tiền trên nhưng chị L khất nần, lấy nhiều lý do để không trả tiền cho anh, thậm chí còn trốn tránh không nghe điện thoại, không liên lạc với anh nữa. Trong quá trình vay tiền từ tháng 8/2015 đến ngày 16/6/2016, chị L có tự nguyện đưa cho anh khoảng 9 triệu đồng tiền lãi từ khoản tiền gốc đã vay do các bên thỏa Tân không ghi trong hợp đồng. Nay anh yêu cầu chị L phải trả cho anh số tiền nợ gốc 415.000.000 đồng, anh không yêu cầu chị L phải trả khoản tiền lãi đối với khoản tiền trên.

Tại bản tự khai bị đơn chị Trương Thùy L trình bày: Do cùng công tác với chị Hà Thị Minh T nên chị với chị T có bàn nhau cùng làm ăn kinh doanh, tuy nhiên quá trình kinh doanh do không thống nhất được việc kinh doanh với nhau nên chị T rút không kinh doanh nữa và có cho chị vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), với lãi suất 3%/tháng thỏa Tân cuối năm 2015 sẽ trả đủ cho chị T. Đến năm 2016 chị không trả được khoản nợ trên, chị T có nói số tiền trên là do chị T vay của anh Ngọc A đưa cho chị nên đề nghị chuyển số nợ của chị T sang cho anh Ngọc A. Sau đó anh Ngọc A có đến gặp chị yêu cầu chị phải viết giấy nợ trên với số nợ gốc là 100.000.000 đồng và lãi hàng tháng. Từ năm 2016 đến nay chị đã trả cho anh Ngọc A khoảng 4 lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Sau đó chị không trả được nữa thì anh Ngọc A bắt chị phải viết giấy nhận nợ gộp chung cả tiền gốc và tiền lãi vào thành tiền gốc số tiền lên đến 415.000.000 đồng. Nay anh Ngọc A khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền trên chị xác nhận chị chỉ vay số tiền 100.000.000 đồng không nhất trí trả anh Ngọc A số tiền 415.000.000 đồng. Chị nhất trí trả anh Ngọc A số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa người làm chứng chị Hà Thị Minh T trình bày: Do có mối quan hệ công tác với chị Trương Thùy L, nên chị và chị L thân thiết với nhau. Khoảng đầu tháng 8 năm 2015 chị L có đặt vấn đề muốn vay tiền của chị để làm ăn kinh doanh nhưng chị nói không có tiền nên chị giới thiệu chị L cho anh Vũ Ngọc A là hàng xóm của chị để vay tiền. Do tin tưởng chị công tác cùng với chị L nên anh Ngọc A đồng ý cho chị L vay số tiền 100.000.000 đồng, và có viết giấy vay nợ hạn ngày 31/12/2015. Tiếp theo đó chị L tiếp tục vay của anh Ngọc A nhiều lần, đều có sự chứng kiến của chị. Đến ngày 16/6/2016 anh Ngọc A và chị L chốt tổng số nợ là 415.000.000 đồng và có viết giấy vay nợ hạn ngày 31/12/2016

thì trả hết. Đến hẹn anh Ngọc A đến đòi tiền nhưng chị L khát nản không trả, anh Ngọc A có nhờ chị gọi điện và nhắc nhở chị L việc trả tiền nhưng chị L trốn tránh không trả tiền còn có thái độ không hợp tác. Theo chị được biết đến thời điểm hiện tại chị L chưa trả khoản tiền trên cho anh Ngọc A.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên đương sự để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án, tuy nhiên chị L có đến trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng những lần triệu tập khác đến để hòa giải chị L đều vắng mặt, do vậy không tiến hành hòa giải được với các đương sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trương Thùy L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 415.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ gốc trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật. Do anh Ngọc A không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản nên Tộc Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TH.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại giấy cho vay tiền ngày 16/6/2016 thể hiện nội dung vay số tiền 415.000.000 đồng, lãi suất 1,5% /tháng, thời điểm thanh toán 31/12/2016, chữ ký của bên cho vay và bên vay phù hợp với lời khai của nguyên đơn, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về khoản tiền lãi 1,5 trong giấy vay nợ ngày 16/6/2016 nguyên đơn xác định là khoản tiền lãi tính trên toàn bộ số tiền gốc 415.000.000 đồng tính đến ngày

16/6/2015. Nay nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, chỉ yêu cầu trả cho nguyên đơn toàn bộ phần tiền nợ gốc là 415.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn cũng thừa nhận có việc ký nhận vào giấy vay nợ ngày 12/6/2016, tuy nhiên không nhất trí trả khoản tiền 415.000.000 đồng trên với lý do đây là khoản tiền cả gốc và lãi cộng gộp vào, chỉ nhất trí thanh toán 100.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật. Bị đơn có trình bày đã trả cho nguyên đơn 4 lần mỗi lần 5.000.000 đồng nhưng không có căn cứ và không xác định thời gian trả, không có giấy tờ gì chứng minh về khoản tiền 415.000.000 đồng là cộng gộp cả gốc và lãi, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có căn cứ.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 269; điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; - Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; - Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Trương Thùy L.

Chị Trương Thùy L phải có trách nhiệm trả cho anh Vũ Ngọc A số tiền gốc 415.000.000 đ (Bốn trăm mười lăm triệu đồng)

Về lãi suất: Anh Vũ Ngọc A không yêu cầu lãi suất nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí: Chị Trương Thùy L phải chịu 20.600.000 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả anh Vũ Ngọc A số tiền 13.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH theo biên lai số 0003801 ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Đương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

